



# QUAN HỆ TRÊN LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ, NGOẠI GIAO VÀ HỢP TÁC VỀ AN NINH, QUỐC PHÒNG NHẬT BẢN - VIỆT NAM TỪ NĂM 2002 ĐẾN NĂM 2020

Nguyễn Văn Tuấn\*

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

**Tóm tắt.** Nhật Bản và Việt Nam chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 21/9/1973. Tuy nhiên, phải đến năm 2002, sau khi hai nước ký Tuyên bố chung thiết lập quan hệ “Đôi tác tin cậy, ổn định lâu dài”, quan hệ Nhật - Việt mới thực sự phát triển mạnh mẽ, thực chất và đi vào chiều sâu với những nấc thang mới, mang lại những lợi ích to lớn cho nhân dân hai nước. Bài viết chủ yếu đề cập đến quan hệ chính trị, ngoại giao và hợp tác an ninh, quốc phòng giữa Nhật Bản và Việt Nam từ năm 2002 đến năm 2020 với các nội dung: những nhân tố mới tác động đến mối quan hệ này; những thành tựu đạt được và những khó khăn, thách thức cũng như cơ hội, thuận lợi để mối quan hệ trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao và hợp tác về an ninh, quốc phòng giữa hai nước tiếp tục phát triển trong thời gian tới.

**Từ khóa:** chính trị, ngoại giao, quốc phòng, quan hệ Nhật Bản - Việt Nam

## 1. Những nhân tố mới tác động đến quan hệ hợp tác Nhật Bản - Việt Nam

*Nhân tố thứ nhất*, từ đầu thế kỷ XXI đến nay, tình hình quốc tế có nhiều thay đổi, đã làm cho cơ cấu địa - chính trị và sự phân bố quyền lực toàn cầu bị đảo lộn, tương quan song song lực lượng và phương thức tập hợp lực lượng có sự thay đổi căn bản, tình hình chính trị, an ninh quốc tế có những biến động phức tạp và khó lường. “Quá trình hình thành trật tự thế giới mới chứa đựng nhiều yếu tố bất trắc, khó đoán định, trong đó nổi lên hai khuynh hướng đối nghịch: Mỹ chủ trương một thế giới đơn cực, trong khi các nước lớn như Nga, Trung Quốc, EU lại đấu tranh cho một trật tự thế giới đa cực mà ở đó vị trí bá quyền của Mỹ được kiềm chế, quyền lãnh đạo thế giới được chia sẻ cho các nước lớn. Mặt khác, do tính chất và nội dung trong giao lưu quốc tế thay đổi một cách căn bản với vị trí ưu tiên hàng đầu thuộc về yếu tố kinh tế, nên phương thức tập hợp lực lượng trên thế giới cũng bị chi phối trước hết và chủ yếu từ lợi ích kinh tế - chính trị của các quốc gia, đồng thời trở nên rất cơ động, linh hoạt, “vừa hợp tác, vừa đấu tranh” trong cùng tồn tại hòa bình” [15, Tr. 12]. Bên cạnh đó, các vấn đề an ninh phi truyền

\*Liên hệ: tuanhvkv3.dn@gmail.com

Nhận bài: 24-4-2020; Hoàn thành phản biện: 23-11-2020; Ngày nhận đăng: 28-12-2020

thống và các vấn đề toàn cầu cấp bách ngày càng nổi lên đe dọa trực tiếp đến mục tiêu chiến lược trong chính sách đối ngoại của cả Nhật Bản và Việt Nam đòi hỏi hai nước phải tăng cường quan hệ hợp tác để đối phó, giải quyết.

*Nhân tố thứ hai*, “châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa kinh tế - chiến lược ngày càng quan trọng trên thế giới. Đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn...” nhưng “hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn” [6, tr. 70]. Nhật Bản và Việt Nam là hai nước nằm ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương (CATBD), do đó sự vận động và phát triển trong quan hệ giữa hai nước cũng luôn chịu những tác động nhiều chiều từ những diễn biến của tình hình khu vực. Bước sang thế kỷ XXI, CATBD trở thành khu vực có sự hợp tác, liên kết đồng thời với cạnh tranh chiến lược diễn ra sôi động và gay gắt với nhiều tầng nấc khác nhau, từ hợp tác liên kết song phương, khu vực và liên khu vực, từ hợp tác trên lĩnh vực kinh tế, chính trị đến an ninh, quốc phòng... vừa trực tiếp, vừa gián tiếp tác động tới cả Nhật Bản và Việt Nam cũng như quan hệ Nhật - Việt. Bên cạnh đó, sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn đối với khu vực vừa tạo ra cơ hội, nhưng cũng hàm chứa nhiều thách thức mới đòi hỏi sự chung tay hợp tác của cả Nhật Bản và Việt Nam, đã tác động và thúc đẩy mối quan hệ Nhật - Việt tiếp tục phát triển và đi vào chiều sâu. Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nga, Ấn Độ... đều có sự điều chỉnh chiến lược đối với khu vực CATBD nói chung và Đông Nam Á (ĐNA) nói riêng. Các chiến lược với những mục tiêu, biện pháp và cách thức thực hiện khác nhau song đều muốn gia tăng ảnh hưởng, vai trò, sự hiện diện thường xuyên và liên tục ở khu vực. Trong sự điều chỉnh này, cả Nhật Bản và Việt Nam đều là những quốc gia hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp chịu tác động. Chính điều này cũng đã và đang tác động đến quan hệ Nhật - Việt trên nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là lĩnh vực chính trị, ngoại giao và an ninh, quốc phòng.

*Nhân tố thứ ba*, những thách thức chung của hai nước liên quan tới sự “trỗi dậy” và gia tăng vai trò của Trung Quốc ở CATBD nói chung và ĐNA nói riêng, đã đưa Trung Quốc và Nhật Bản trở thành “đối thủ cạnh tranh chiến lược” của nhau ở khu vực. Trung Quốc đang thực hiện chính sách mở rộng ảnh hưởng nhằm lập “chỗ trống” ở khu vực bằng việc tăng cường sức mạnh và gia tăng ảnh hưởng cả về chính trị, ngoại giao, kinh tế và quân sự, đồng thời liên tục có các hành động đơn phương ảnh hưởng đến hòa bình và an ninh của khu vực, nhất là an ninh, an toàn hàng hải và hàng không ở Biển Đông và Biển Hoa Đông, không ngừng tăng chi tiêu cho quốc phòng, mở rộng ảnh hưởng và đưa ra các yêu sách phi lý gây tranh chấp chủ quyền với các quốc gia láng giềng, trong đó có Nhật Bản và Việt Nam. Sự trỗi dậy và những hành động của Trung Quốc không chỉ đặt ra thách thức cạnh tranh chiến lược với Nhật Bản mà còn là mối đe dọa đến an ninh và phát triển của cả Nhật Bản và Việt Nam. Do đó, Nhật Bản và

Việt Nam cần tăng cường hợp tác với nhau để phát triển cũng như kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực.

*Nhân tố thứ tư*, đó là vị trí, vai trò của nước này trong chính sách đối ngoại của nước khác. *Trước hết, đó là vị trí, vai trò của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản.* ĐNA có ý nghĩa với Nhật Bản ở châu Á như thế nào thì Việt Nam cũng có tầm quan trọng đối với quốc gia này trong khối ASEAN như thế. Việt Nam là thị trường lớn, tiềm năng về kinh tế, con người và tài nguyên, chính trị ổn định, an ninh đảm bảo, lại có vị trí địa - chiến lược quan trọng... đây là những lợi thế của Việt Nam mà ít quốc gia nào trong khu vực có được. Hơn nữa, hiện nay vai trò, vị thế của Việt Nam trong khu vực và quốc tế ngày càng tăng, trong khi đó Nhật Bản đang ở thời điểm bước ngoặt điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng tăng cường tính độc lập, chủ động và tích cực hơn nhằm vươn lên thành “quốc gia toàn diện”, trong quá trình này, Nhật Bản rất cần sự ủng hộ của Việt Nam trên trường quốc tế, kể cả mục tiêu “kiềm chế Trung Quốc” và duy trì an ninh, an toàn hàng hải ở Biển Đông. Vì vậy, từ đầu thế kỷ XXI đến nay, chính sách đối ngoại của Nhật Bản luôn chú trọng và có phần “ưu ái” đối với Việt Nam và mối quan hệ Nhật - Việt. Cụ thể, về chính trị, ngoại giao và an ninh, quốc phòng, “Nhật Bản khẳng định coi trọng vị trí của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản ở khu vực CATBD” [4] và “việc duy trì, tăng cường quan hệ hợp tác với Việt Nam trên mọi lĩnh vực luôn là ưu tiên của Nhật Bản” [8, Tr. 72]. “Việt Nam sẽ là nước đóng vai trò quan trọng về mặt chính trị, kinh tế trong khu vực CATBD ở thế kỷ XXI này... Nhật Bản, Việt Nam là hai nước giữ vị trí quan trọng với nhau nên Nhật Bản sẽ không ngần ngại hợp tác với Việt Nam trong khi Việt Nam đang tiếp tục cố gắng xây dựng đất nước theo tinh thần hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực CATBD vì Việt Nam là nước có khả năng giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp này” [9, Tr. 135]. Về kinh tế, Nhật Bản luôn là đối tác thương mại, nhà đầu tư hàng đầu của Việt Nam, nhất là trên lĩnh vực ODA. “Trong hợp tác ODA Nhật Bản hỗ trợ cho các nước đang phát triển trên thế giới, thì hợp tác với Việt Nam có quy mô lớn nhất và Việt Nam cũng là đối tác quan trọng nhất của Nhật Bản về ODA” [12]... *Vị trí, vai trò của Nhật Bản trong chính sách đối ngoại của Việt Nam.* Nhật Bản là nước phát triển, có tiềm lực lớn về kinh tế, quân sự, khoa học, công nghệ, con người và có sức mạnh, lợi thế về chính trị, ngoại giao ở khu vực CATBD và thế giới. Vì vậy, từ đầu thế kỷ XXI đến nay, Việt Nam luôn xác định mở rộng quan hệ với Nhật Bản là hướng ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại. “Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược và các nước lớn có vai trò quan trọng đối với phát triển và an ninh của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập vào thực chất” [6, Tr. 155], trong đó có Nhật Bản và “khẳng định Nhật Bản tiếp tục là đối tác quan trọng hàng đầu và lâu dài” [4] của Việt Nam.

Như vậy, với những nhân tố mới xuất hiện cùng vị trí, vai trò của nước này trong chính sách đối ngoại của nước khác, trong cái nhìn tổng thể và các mối quan hệ tương tác, có thể thấy sự “ưu ái” mà Nhật Bản và Việt Nam đã và đang dành cho nhau. Đó sẽ là một mối quan hệ kinh tế tương trợ với sự bổ sung lợi thế so sánh, một mối quan hệ chính trị ăn ý với nhau trong những mục tiêu và đi liền với đó là chính sách đối ngoại mềm dẻo để không ảnh hưởng đến mối quan hệ với các quốc gia khác trong khu vực. Đây là vừa là nhu cầu, vừa là điều kiện để Việt Nam và Nhật Bản giữ được vị trí tương xứng trong từng chính sách đối ngoại mà mỗi quốc gia đang theo đuổi, cả ở hiện tại và tương lai. Đó chính là những nhân tố đã và đang tác động rất lớn đến sự phát triển của mối quan hệ Nhật - Việt thời gian qua, nhất là trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao và an ninh, quốc phòng.

## 2. Một số thành tựu cơ bản

### *Thứ nhất, trong quan hệ chính trị và ngoại giao*

Từ năm 2002 đến năm 2020, quan hệ Nhật - Việt trên lĩnh vực chính trị và ngoại giao liên tục phát triển, không ngừng được củng cố, tăng cường và mở rộng trên cả bình diện song phương và đa phương. *Về quan hệ chính trị và ngoại giao song phương*, bên cạnh các bộ, ngành, địa phương, ngoại giao nhân dân, nhiều chuyến thăm cấp cao qua lại giữa hai nước đã diễn ra thường xuyên và liên tục. *Về phía Nhật Bản*, có các chuyến thăm và làm việc cấp cao tại Việt Nam của: Thủ tướng Koizumi (4/2002; 10/2005), Thủ tướng Yasuo Fukuda (11/2007), Thủ tướng Naoto Kan (10/2010), Thủ tướng Abe Shinzo (11/2006; 1/2013; 01/2017 và 11/2017), Hoàng Thái tử Nhật Bản (2/2009), Thủ tướng Suga Yoshihide (10/2020), đặc biệt, lần đầu tiên Nhật hoàng Akihito và Hoàng hậu Michiko có chuyến thăm Việt Nam (28/2-5/3/2017). *Về phía Việt Nam*, có các chuyến thăm và làm việc cấp cao tại Nhật Bản của: Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh (10/2002; 4/2009); Thủ tướng Phan Văn Khải (4/1999; 6/2001; 4/2003; 12/2003; 6/2004 và 7/2005); Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (10/2006; 5/2009; 11/2009; 10/2011; 4/2012 và 12/2013), Chủ tịch Nước Nguyễn Minh Triết (11/2007), Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc (5/2016; 10/2018; 6/2019 và 10/2019).

Thông qua các chuyến thăm và làm việc cấp cao, rất nhiều các văn kiện hợp tác được ký kết, đặc biệt là các Tuyên bố chung, tất cả trở thành văn kiện chính trị, pháp lý làm nền tảng cho sự phát triển mối quan hệ hợp tác giữa hai nước nói chung và lĩnh vực chính trị, ngoại giao và an ninh, quốc phòng nói riêng. Về chính trị và ngoại giao, các Tuyên bố chung đều khẳng định quan điểm chung trong việc duy trì và phát triển hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa hai nước, dựa trên sự tôn trọng lợi ích, chế độ chính trị, bình đẳng và cùng có lợi. Trong Tuyên bố chung (4/2002), hai nước đã ra tuyên bố thiết lập quan hệ “Đối tác tin cậy, ổn định lâu dài” với tinh thần “cùng hành động, cùng tiến bước”, sự kiện này đánh dấu quan hệ Nhật - Việt đi vào thực

chất trên tất cả các lĩnh vực, thể hiện quyết tâm của chính phủ và nguyện vọng của nhân dân hai nước trong việc phát triển hơn nữa mối quan hệ hợp tác với Nhật - Việt. Tuyên bố chung (10/2006) hai nước nhất trí “Hướng tới đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á”. Hơn một năm sau (11/2007), hai nước ký Tuyên bố chung “Làm sâu sắc hơn quan hệ Nhật Bản và Việt Nam” và “Chương trình hợp tác hướng tới quan hệ đối tác chiến lược giữa Nhật Bản và Việt Nam”. Đặc biệt, trên tinh thần chung đã được nhất trí và những thành quả đạt được từ những năm trước đó, với Tuyên bố chung (4/2009), hai nước quyết định xác lập “Quan hệ đối tác chiến lược Nhật Bản - Việt Nam vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á”, thể hiện một sự phát triển nhanh chóng và có ý nghĩa lịch sử trong quan hệ Nhật - Việt. Đây có thể coi là dấu mốc quan trọng đánh dấu giai đoạn phát triển mới, toàn diện và sâu sắc hơn trong quan hệ giữa hai nước. Hai bên nhất trí tăng cường hơn nữa trao đổi đoàn các cấp... cùng phối hợp xây dựng một lịch trình kế hoạch tổ chức các hoạt động dưới nhiều hình thức nhằm thắt chặt quan hệ hữu nghị và hợp tác [1, Tr. 57-58]. Tháng 10/2010, hai nước đã ký “Tuyên bố chung Nhật Bản - Việt Nam về phát triển toàn diện quan hệ đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á”, nhấn mạnh “hoan nghênh những bước phát triển lớn trong quan hệ giữa hai nước những năm gần đây và bày tỏ ý định phát triển toàn diện và mạnh mẽ hơn nữa mối quan hệ đối tác chiến lược giữa Nhật Bản và Việt Nam vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á... khẳng định tầm quan trọng của việc duy trì các chuyến thăm cấp cao hàng năm cũng như tăng cường các kênh đối thoại ở tất cả các cấp và trên mọi lĩnh vực” [2]. Tháng 10/2011, hai nước đã ký Tuyên bố “Triển khai hành động trong khuôn khổ đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á” và thống nhất lấy năm 2013 làm “Năm Hữu nghị Nhật Bản - Việt Nam” nhân kỷ niệm 40 năm ngày hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao (1973 - 2013). Trong chuyến thăm và làm việc của Thủ tướng Abe Shinzo (1/2013), hai bên đã nhất trí cùng nhau tăng cường trao đổi các đoàn công tác, Nhật Bản cam kết tiếp tục hỗ trợ Việt Nam thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đặc biệt, tháng 3/2014, hai nước đã ký Tuyên bố chung nâng cấp quan hệ lên thành “Đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á”. Tuyên bố nhấn mạnh: “Trên cơ sở mối quan hệ hợp tác song phương phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây, hai bên quyết định nâng cấp Quan hệ Đối tác chiến lược Nhật Bản - Việt Nam lên một tầm cao mới thành Quan hệ Đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á... Việc nâng cấp quan hệ lần này thể hiện sự tin cậy về chính trị và phản ánh sự phát triển sâu rộng của quan hệ giữa hai nước trên tất cả các lĩnh vực, phù hợp với lợi ích cơ bản và lâu dài, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân hai nước, đóng góp cho hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới...” [3]. Đây là kết quả của quá trình phát triển lâu dài và liên tục của mối quan hệ hợp tác Nhật Bản - Việt Nam. Tuyên bố chung về “Tầm nhìn chung quan hệ Nhật Bản - Việt Nam nhằm thúc đẩy toàn diện và làm sâu sắc hơn quan hệ Đối tác chiến lược sâu rộng Nhật Bản - Việt Nam vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á” (9/2015) đã nhấn mạnh: “Hai bên đánh giá

cao sự phát triển mạnh mẽ, toàn diện và thực chất của quan hệ Nhật Bản - Việt Nam trong thời gian qua... những thành tựu trong quan hệ hợp tác Nhật Bản - Việt Nam trong những năm qua là kết quả của sự "tin cậy, hiểu biết lẫn nhau, phát huy lợi ích tương đồng, nâng cao hiệu quả hợp tác, nỗ lực hướng tới tương lai" cùng với sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân hai nước... Hai bên khẳng định quyết tâm phát triển mối quan hệ Nhật Bản - Việt Nam toàn diện và sâu sắc trên mọi lĩnh vực, vì lợi ích của nhân dân hai nước, đóng góp vào hòa bình, ổn định, hợp tác và thịnh vượng ở khu vực CATBD và trên thế giới" [4]. Và gần đây nhất, ngày 19/10/2020, Thủ tướng Suga Yoshihide đã chọn Việt Nam là nước đầu tiên đến thăm sau khi nhậm chức Thủ tướng Nhật Bản, trong chuyến thăm này, hai nước đã ký kết 12 văn kiện hợp tác giữa các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp hai nước.

Không chỉ dừng lại ở quan hệ hợp tác song phương, *về quan hệ chính trị và ngoại giao đa phương*, Nhật Bản và Việt Nam còn luôn song hành, đồng quan điểm, phối hợp, "tham vấn" nhau trong nhiều vấn đề quốc tế quan trọng tại các tổ chức, hội nghị và diễn đàn quốc tế đa phương lớn. Đối với những vấn đề cụ thể, Nhật Bản là quốc gia tích cực nhất ủng hộ Việt Nam gia nhập WTO (2006), ủng hộ Việt Nam trở thành Ủy viên không Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009 và 2020 - 2021, là nước đầu tiên trong nhóm G7 thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam (2009) và cũng là nước phát triển đầu tiên tuyên bố công nhận nền kinh tế thị trường đầy đủ của Việt Nam (2011), đánh giá cao vai trò của Việt Nam trong Năm Chủ tịch ASEAN (2010 và 2020)... Ngược lại, Việt Nam luôn sẵn sàng làm "cầu nối" để phát triển quan hệ Nhật Bản - ASEAN, đang làm tốt vai trò điều phối viên quan hệ đối thoại ASEAN - Nhật Bản (2018 - 2021), đánh giá cao vai trò của Nhật Bản trong các cơ chế hợp tác do ASEAN khởi xướng và dẫn dắt như ASEAN với từng đối tác (ASEAN+1), ASEAN với ba nước ở khu vực Đông Bắc Á (ASEAN+3), Diễn đàn An ninh khu vực (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng (ADMM+), Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS)... Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế CATBD (APEC), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)... cũng như sự hợp tác của Nhật Bản đối với các nước tiểu vùng Sông Mê Kông. Việt Nam luôn ủng hộ Nhật Bản trở thành Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nếu cơ quan này tiến hành cải tổ, mở rộng thành viên, ủng hộ Nhật Bản trở thành ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2016 - 2017 và 2023 - 2024. Đối với những vấn đề chung, hai nước luôn nhấn mạnh "hợp tác chặt chẽ hơn nữa trong các tổ chức, diễn đàn khu vực và quốc tế mà hai nước đều là thành viên... ủng hộ vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực, nhất trí về tầm quan trọng cần duy trì một ASEAN tự chủ, đoàn kết và vững mạnh; quyết tâm tăng cường hợp tác trong vấn đề liên kết khu vực và thu hẹp khoảng cách nội khối... quan ngại sâu sắc về những diễn biến phức tạp gần đây đang diễn ra ở Biển Đông, bao gồm việc bồi đắp đảo và xây dựng công sự quy mô lớn, làm gia tăng căng thẳng, xói mòn lòng tin và sự tin cậy, đe dọa hòa bình, ổn định tại khu vực và trên thế giới... các

quốc gia ven biển cần tuân thủ luật pháp quốc tế, bao gồm luật pháp về biển, kiềm chế những hành động đơn phương làm thay đổi nguyên trạng... nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo hòa bình, an ninh, an toàn và tự do hàng hải và hàng không; thúc giục các bên liên quan không có hành động đơn phương làm phức tạp và mở rộng tranh chấp trên Biển Đông, giải quyết mọi tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế, nhất là Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc (UNCLOS), nghiêm túc thực hiện DOC và sớm tiến tới thiết lập COC” [4].

### *Thứ hai, trong hợp tác về an ninh và quốc phòng*

So với lĩnh vực chính trị và ngoại giao thì hợp tác về an ninh và quốc phòng Nhật - Việt diễn ra muộn và chậm hơn. Tháng 11/2007, trong chuyến thăm Nhật Bản của Chủ tịch Nước Việt Nam Nguyễn Minh Triết, hai nước mới bắt đầu đề cập đến việc tăng cường hợp tác an ninh và quốc phòng thông qua các chuyến thăm và trao đổi giữa các đoàn quân sự hai bên và các chuyến thăm của tàu hải quân thuộc Lực lượng Phòng vệ Biển Nhật Bản đến Việt Nam. Đặc biệt, khi những quan ngại về vấn đề chính trị và an ninh trước một Trung Quốc ngày càng mạnh bạo hơn trong vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển ở quần đảo Senkaku với Nhật Bản, Trường Sa, Hoàng Sa với Việt Nam [16, Tr. 07] và việc Nhật Bản ngày càng tích cực can dự vào diễn biến tình hình Biển Đông đã thúc đẩy sự hợp tác an ninh và quốc phòng giữa hai nước. Tháng 10/2011, hợp tác về quốc phòng và an ninh giữa hai nước bước sang giai đoạn phát triển mới với việc Nhật Bản và Việt Nam ký kết “Bản Ghi nhớ hợp tác quốc phòng song phương”, nhất trí tích cực thúc đẩy và trao đổi quốc phòng trên cơ sở phù hợp với luật pháp quốc tế, luật pháp, quy định và chính sách quốc gia của mỗi nước... thường xuyên trao đổi đoàn các cấp, tiến hành Đối thoại chính sách quốc phòng định kỳ cấp Thứ trưởng, đào tạo nhân lực, trao đổi thông tin, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa, hợp tác tại các diễn đàn quốc phòng quốc tế và khu vực, đồng thời hợp tác chặt chẽ trên các diễn đàn song phương và đa phương, nhằm kết nối một cách hiệu quả khuôn khổ hợp tác khu vực, đặc biệt là ADMM+. Trong chuyến thăm và làm việc của Bộ trưởng Quốc phòng Nhật Bản Itsunori Onodera đến Việt Nam (9/2013), hai bên đã khẳng định hợp tác quốc phòng trên các lĩnh vực như đào tạo cán bộ, hợp tác giữa các quân chủng, cảnh sát biển đang tiến triển tốt đẹp và hợp tác quốc phòng giữa hai nước được triển khai đồng bộ, tích cực, đi vào chiều sâu. Nhất trí thiết lập cơ chế giao lưu sĩ quan trẻ theo hình thức luân phiên hàng năm, nhằm tăng cường học hỏi, giao lưu, tạo cơ sở cho phát triển bền vững, lâu dài giữa hai nước cũng như hai Bộ với nhau. Đặc biệt, trong Tuyên bố chung (3/2014) nhấn mạnh: “Hai bên nhất trí tiếp tục phối hợp triển khai hiệu quả “Bản Ghi nhớ hợp tác quốc phòng song phương”; tiếp tục thực hiện Đối thoại chính sách quốc phòng cấp Thứ trưởng Nhật - Việt, tăng cường trao đổi đoàn ở các cấp, trong đó có cấp Bộ trưởng, quan chức cấp cao và chuyên gia; thúc đẩy hợp tác giữa các quân chủng của Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản và Quân

đội Nhân dân Việt Nam và đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực, thăm viếng của các tàu quân sự... tiếp tục tăng cường hợp tác về an toàn hàng hải... sớm cử đoàn khảo sát đến Việt Nam nhằm trao đổi ý kiến về việc hỗ trợ Việt Nam xây dựng năng lực cho các cơ quan chấp pháp biển... tăng cường hợp tác nhằm xử lý các vấn đề an ninh phi truyền thống, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, cướp biển và tội phạm mạng” [3]. Ngoài ra, hai bên còn ký thỏa thuận về thực hiện các hạng mục hợp tác cụ thể, mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực như phát triển nguồn nhân lực, xây dựng năng lực và tàu chiến viếng thăm lẫn nhau. Trong chuyến thăm Nhật Bản của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (9/2015), hai bên nhất trí tăng cường hợp tác trong lĩnh vực an ninh và an toàn trên biển như tìm kiếm cứu nạn và đối phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống, chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, cướp biển và ký kết Bản Ghi nhớ hợp tác giữa Lực lượng Bảo vệ bờ Biển Nhật Bản và Lực lượng Cảnh sát Biển Việt Nam. Trong chuyến thăm của Bộ trưởng Quốc phòng Nhật Bản Gen Nakatani (11/2015), hai nước đã đạt được thỏa thuận để tàu của Lực lượng Phòng vệ trên biển Nhật Bản có thể tới thăm Cảng Cam Ranh từ năm 2016. Hai nước cũng đã ký “Tuyên bố Tâm nhìn chung về hợp tác quốc phòng hướng tới thập niên tiếp theo” (4/2018). Trong chuyến thăm và làm việc của Bộ trưởng Quốc phòng Nhật Bản Takeshi Iwaya đến Việt Nam (5/2019), hai nước thống nhất tiếp tục tăng cường quan hệ toàn diện, đưa hợp tác quốc phòng đi vào chiều sâu, hiệu quả, thiết thực; phát huy hiệu quả các cơ chế hợp tác hiện có, đẩy mạnh hợp tác quốc phòng song phương theo các thỏa thuận đã ký kết, đặc biệt là Tuyên bố Tâm nhìn chung về hợp tác quốc phòng hướng tới thập niên tiếp theo; phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai đồng chủ trì Nhóm chuyên gia ADMM+ về gìn giữ hòa bình; tiếp tục triển khai các nội dung đã được thiết lập trên các lĩnh vực hợp tác như: đào tạo, hỗ trợ nâng cao năng lực, công nghệ thông tin, gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc; đẩy mạnh triển khai các nội dung tiềm năng hợp tác về quân y, công nghiệp quốc phòng; vì lợi ích an ninh của mỗi nước, vì hòa bình, ổn định và thịnh vượng của toàn khu vực, góp phần đưa hợp tác quốc phòng Nhật Bản - Việt Nam phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực [14].

Bên cạnh các văn kiện hợp tác, hai nước cũng có những hoạt động hợp tác nhằm cụ thể hóa những nội dung đã ký kết như duy trì đối thoại chính sách quốc phòng Nhật - Việt cấp Thứ trưởng từ năm 2012, Đối thoại an ninh cấp Thứ trưởng từ năm 2013, lần đầu tiên tổ chức Hội nghị Đàm bảo An ninh trên biển (5/2013), Nhật Bản tuyên bố kế hoạch sử dụng gói hỗ trợ phát triển cho nước ngoài để cấp 6 tàu tuần tra cho các cơ quan chấp pháp biển Việt Nam (7/2014), tàu đầu tiên được chuyển giao cho Cục Cảnh sát biển Việt Nam vào tháng 2/2015, tàu thứ hai được chuyển giao cho Cục Kiểm ngư Việt Nam vào tháng 8/2015, tháng 11/2015 Nhật Bản bàn giao thêm hai tàu tuần tra tải trọng 600 tấn cho Việt Nam cũng như cung cấp thêm xuồng cứu sinh và một số thiết bị hàng hải khác cho Việt Nam, cung cấp khoản viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam trị giá 200 tỷ Yên để đảm bảo an toàn hàng hải trong tài khóa 2015. Bên cạnh đó, đoàn



đại biểu của Lực lượng Phòng vệ trên biển Nhật Bản đã đến thăm Cảng Tiên Sa (Việt Nam; 4/2015), Tàu hộ vệ tên lửa 015 - Trần Hưng Đạo của Việt Nam thăm cảng Yokosuka (Nhật Bản; 9/2018), tháng 4/2017, tàu hộ vệ Fuyuzuki và tháng 6/2019, biên đội tàu chiến gồm khu trục hạm trực thăng JS Izumo, tàu khu trục đa dụng JS Murasame cập cảng Cam Ranh, Việt Nam... Từ năm 2009 đến nay, Nhật Bản đã hỗ trợ khoảng 5,5 triệu USD cho Việt Nam thực hiện hai dự án rà phá bom mìn tại tỉnh Quảng Trị và Hà Tĩnh; Bộ Tư lệnh Hóa học phối hợp với Công ty Shimizu tiến hành Dự án hợp tác thử nghiệm công nghệ xử lý đi ô xin tại sân bay Biên Hòa; Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản đang xem xét hỗ trợ trang thiết bị phục vụ công tác phân tích, đánh giá, quản lý tình trạng ô nhiễm chất độc đi-ô-xin [14].

Vấn đề được quan tâm nhiều nhất trong các chuyến thăm và làm việc giữa quan chức quốc phòng hai nước là vấn đề phòng vệ bờ biển. Bên cạnh đó, hợp tác trên lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm khủng bố, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm mạng, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cũng đã góp phần tích cực vào việc củng cố, phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai nước. Đối với vấn đề Biển Đông, Nhật Bản sẵn sàng hợp tác và nhất trí với Việt Nam về tầm quan trọng của việc tất cả các bên liên quan duy trì an ninh, an toàn và tự do hàng hải, hàng không tại khu vực CATBD, tôn trọng độc lập, chủ quyền và lợi ích chính đáng của nhau. Kiểm chế, không làm phức tạp thêm tình hình và giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình, phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS, yêu cầu các bên liên quan thực hiện đầy đủ DOC, tăng cường đối thoại và thương lượng để có thể sớm đạt được COC. Bên cạnh thúc đẩy hợp tác quốc phòng song phương, hai bên nhất trí tiếp tục hợp tác tích cực trong các vấn đề an ninh khu vực, phối hợp chặt chẽ trong khuôn khổ các hội nghị, diễn đàn quốc tế như ARF, ADMM+, EAS...

### **3. Những khó khăn, khác biệt và cơ hội, thuận lợi trong quan hệ hợp tác Nhật Bản - Việt Nam**

*Thứ nhất, những khó khăn và khác biệt cần vượt qua*, bên cạnh những thành tựu nổi bật như trên, quan hệ trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao và hợp tác về an ninh, quốc phòng giữa Nhật Bản và Việt Nam từ năm 2002 đến năm 2020 cũng gặp không ít khó khăn, khác biệt.

*Một là*, trong quan hệ hợp tác nói chung, trên lĩnh vực chính trị và ngoại giao, an ninh và quốc phòng nói riêng, dù Nhật Bản có “ưu ái” với Việt Nam như thế nào thì sự khác biệt về chế độ chính trị, hệ tư tưởng, mưu đồ chính trị - ngoại giao, trình độ phát triển, đặc biệt là mục tiêu chiến lược và lợi ích “quốc gia - dân tộc” của Nhật Bản và Việt Nam luôn là rào cản, khó khăn và thách thức lớn nhất trong quan hệ giữa hai nước trên các lĩnh vực này. Nhật Bản là nước tư bản phát triển, Việt Nam là nước xã hội chủ nghĩa đang phát triển, mục tiêu phát triển đất nước

theo hai con đường khác nhau, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản, giữa các nước đang phát triển với các nước phát triển vẫn là những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu trong thời đại ngày nay và “Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển” [5, Tr. 67].

*Hai là*, sự khác biệt về vị thế quốc tế và chính sách ngoại giao song phương cũng là khó khăn và thách thức trong quan hệ chính trị, ngoại giao và an ninh, quốc phòng giữa hai nước. Nhật Bản là nước lớn, có vai trò quan trọng trong các thiết chế, tổ chức quốc tế lớn và giải quyết các vấn đề quốc tế, nên mặc dù được Nhật Bản “ưu ái” hay “coi trọng” trong chính sách đối ngoại song vị trí của Việt Nam trong tổng thể chính sách đối ngoại nói chung và chính sách khu vực của Nhật Bản nói riêng vẫn còn thấp, nếu xét trong tương quan so sánh quan hệ ngoại giao song phương của Nhật Bản ở khu vực, thì quan hệ Nhật - Việt chưa phải là một điển hình có thể ảnh hưởng đến cục diện của khu vực cũng như tác động lớn đến chính sách đối ngoại của nước này. Nhật Bản luôn chú trọng thực hiện chính sách đối ngoại thực dụng, tăng cường quan hệ với các đồng minh, các nước lớn, các trung tâm quyền lực như Mỹ, EU, Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc. Trong khi Việt Nam lại coi trọng quan hệ với các nước truyền thống, láng giềng và khu vực, cùng chế độ chính trị, hệ tư tưởng và chủ trương “cân bằng quan hệ” với các nước lớn. Chưa kể tới khác biệt trong quan hệ Nhật - Việt, khi Nhật Bản ưu tiên và tăng cường hợp tác về chính trị, ngoại giao và an ninh để thực hiện mục tiêu chiến lược của họ thì Việt Nam lại chú trọng ưu tiên hợp tác trên lĩnh vực kinh tế để phục vụ phát triển đất nước. Hơn nữa, các nước lớn, trong đó có Nhật Bản - dù là đối thủ hay đối tác của Trung Quốc, trong “mục tiêu an ninh” đều muốn Việt Nam là một “lá chắn” đối với sự “trỗi dậy” của Trung Quốc để “nhẹ gánh” cho họ, cố nhiên không ai muốn Việt Nam rơi vào “vòng tay” của Trung Quốc.

*Ba là*, với lợi thế tuyệt đối về kinh tế, khoa học, công nghệ, quân sự, lợi thế lớn về chính trị, ngoại giao..., ý đồ và toan tính chiến lược của Nhật Bản trong quan hệ hợp tác về chính trị, ngoại giao và an ninh, quốc phòng với Việt Nam sẽ tạo ra không ít trở ngại, thách thức đối với chiến lược phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ an ninh quốc gia và chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam. Thông qua quan hệ chính trị, ngoại giao, trao đổi thương mại, hợp tác đầu tư, viện trợ phát triển, cho vay, hợp tác quốc phòng, an ninh... Việt Nam dễ bị áp đặt hoặc “lệ thuộc” và phát triển theo quỹ đạo, sự chi phối, phục vụ cho mục tiêu, ý đồ - “mục tiêu phát triển” và “mục tiêu ảnh hưởng”, trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản.

*Bốn là*, do sự nói lỏng về chính sách quốc phòng, an ninh nên Nhật Bản có điều kiện tăng cường hợp tác với Việt Nam. Nhưng phải xác định rằng, “mục tiêu an ninh” trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản là nhằm tìm kiếm đối tác chung trong việc đối phó với những tác động tiêu cực từ sự “trỗi dậy” của Trung Quốc và sự can dự, ảnh hưởng của các nước khác. Cho nên, dù có tăng cường hợp tác về quốc phòng, an ninh với Việt Nam thì bên cạnh tăng tiềm lực quốc phòng, khả năng đảm bảo an ninh biển, bảo vệ chủ quyền cho Việt Nam, mục tiêu chính của

Nhật Bản là muốn thiết lập một khu vực an toàn từ xa và bảo vệ tuyến hàng hải chiến lược nhằm phục vụ cho “mục tiêu an ninh”, “mục tiêu phát triển” và “mục tiêu ảnh hưởng” của Nhật Bản ở khu vực ĐNA. Bởi, bên cạnh sự “trỗi dậy” của Trung Quốc thì ĐNA, nhất là khu vực Biển Đông đang là nơi diễn ra sự leo thang tranh chấp chủ quyền giữa các nước. Biển Đông không chỉ giàu có về tài nguyên, nhất là dầu khí, mà còn là nơi có vị trí chiến lược về vận tải hàng hải và phòng thủ của không chỉ các nước có liên quan trực tiếp mà còn đối với các nước khác, đặc biệt là Nhật Bản. Phần lớn hàng hóa xuất nhập khẩu và năng lượng nhập khẩu của Nhật Bản phải đi qua hoặc liên quan đến Biển Đông. Vì vậy, tăng cường hợp tác về quốc phòng, an ninh với Việt Nam cũng không nằm ngoài việc bảo vệ “mục tiêu an ninh” và “mục tiêu phát triển” từ xa cho Nhật Bản. Bên cạnh đó, hợp tác giữa hai nước trên lĩnh vực an ninh và quốc phòng vẫn còn gặp những khó khăn, hạn chế nhất định xuất phát từ nội tại cũng như thực lực của hai nước chẳng hạn như: ở Nhật Bản, do tư tưởng chống chủ nghĩa quân sự rất mạnh mẽ và hạn chế của nguyên tắc chủ nghĩa hòa bình trong Hiến pháp nên nước này rất khó để trở thành một nước có lực lượng quân sự mạnh; lòng tin giữa hai bên do sự khác biệt về chế độ chính trị; những hạn chế từ phía Việt Nam [16, Tr. 08] cũng như những khó khăn của Nhật Bản trong việc bảo vệ an ninh, chủ quyền. Chính Thủ tướng Abe Shinzo đã thừa nhận không thể cung cấp ngay lập tức cho Việt Nam tàu tuần tra đã qua sử dụng vì gánh nặng hoạt động giám sát của lực lượng bảo vệ bờ biển Nhật Bản đang tăng lên. “Đáng tiếc, đất nước chúng ta không ở trong hoàn cảnh có thể cho ngừng hoạt động tất cả những tàu đã hết giai đoạn khấu hao” [17, Tr. 05]. Điều này được chứng minh ngay sau đó, tháng 7/2014, Ngoại trưởng Nhật Bản Fumio Kishida sang thăm Việt Nam và đã đồng ý cấp cho Việt Nam 06 tàu tuần tra đã qua sử dụng cùng với thiết bị đi kèm trị giá 500 triệu Yên vào cuối năm 2014, nhưng mãi tới tháng 9/2015, 02 trong số 06 tàu trên mới được Nhật Bản bàn giao cho Việt Nam [17, Tr. 05]. Nhật Bản bị hạn chế nghiêm ngặt về hoạt động quân sự ở nước ngoài nên mối quan hệ trực tiếp giữa Hải quân nhân dân Việt Nam với Lực lượng phòng vệ trên biển của Nhật Bản là rất khó. Vì vậy, hợp tác có thể chỉ thực hiện được dưới hình thức là hoạt động ở mức độ cảnh vệ, phía Nhật Bản đang thực hiện các đối ứng trên cơ sở các trạm bảo an trên biển. Và tất nhiên, mục đích của những hợp tác trên chỉ là để đảm bảo an toàn giao thông trên biển, không có hành động quân sự [11].

*Năm* là, nhân tố nước lớn luôn chi phối quan hệ Nhật - Việt, vì Việt Nam có vị trí địa chiến lược, địa an ninh, chính trị “nhạy cảm”. Nếu ĐNA là khu vực diễn ra sự cạnh tranh quyền lực gay gắt và quyết liệt của các nước lớn, nhất là Mỹ và Trung Quốc thì Việt Nam chính là “địa bàn đầu tiên” để hiện thực hóa sự cạnh tranh đó. Vì vậy, Mỹ và Trung Quốc luôn tìm mọi cách để gây áp lực và điều phối chính sách đối ngoại của Nhật Bản cũng như quan hệ Nhật - Việt, nhất là trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao, an ninh và quốc phòng. Thậm chí, có những thời điểm Nhật Bản “thăm dò” phản ứng của Trung Quốc trong chính sách đối với Việt Nam,

hay “tham vấn”, “đồng hành” với Mỹ trong chính sách khu vực và chính sách đối với Việt Nam. Điều này lý giải tại sao từ khi Mỹ “xoay trục”, “tái cân bằng” sang khu vực CATBD (2011), nay là chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: tự do và rộng mở” thì cũng là thời điểm Nhật Bản điều chỉnh chính sách và tăng cường quan hệ hợp tác với Việt Nam, nhất là về an ninh và quốc phòng. Hơn nữa, Nhật Bản có tăng cường, phát triển quan hệ với Việt Nam, suy cho cùng bên cạnh “mục tiêu phát triển” cũng để phục vụ cho “mục tiêu an ninh” và “mục tiêu ảnh hưởng” của Nhật Bản ở khu vực ĐNA và rộng hơn là khu vực CATBD, bởi: tham vọng bá quyền không chỉ là tham vọng của một số nước mà nó là tham vọng của bất kỳ quốc gia nào có vai trò nhất định khi tham gia vào mối quan hệ quốc tế và khi một quốc gia trở nên hùng mạnh thì quốc gia đó sẽ từng bước thực hiện tham vọng bá quyền tới nước xa hơn [7, Tr. 291]. Đây là mục tiêu chiến lược mà Nhật Bản đã và đang tìm mọi cách hiện thực hóa từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay.

*Sáu là*, bên cạnh những hạn chế, khó khăn và thách thức trên, trong thời gian qua, những vấn đề xuất phát từ Việt Nam cũng tác động không tốt tới quan hệ trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao và an ninh, quốc phòng giữa hai nước, đặc biệt là vấn đề quản lý và sử dụng các nguồn vốn ODA của Nhật Bản dành cho Việt Nam. Đó là việc đầu tư dàn trải, chưa thực hiệu quả; tình trạng chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư; tính hợp lý trong phân bổ nguồn vốn giữa các địa bàn còn bất cập... nhất là một số vụ án tham nhũng, đưa và nhận hối lộ liên quan đến nguồn vốn ODA của Nhật Bản như vụ Huỳnh Ngọc Sỹ ở dự án Đại lộ Đông - Tây, vụ PMU18 hay dự án đường sắt đô thị ở Hà Nội... đã làm giảm sút lòng tin của Chính phủ cũng như người dân Nhật Bản. Trưởng đại diện JICA tại Việt Nam, ông Mori Mutsuya đã khuyến cáo: “Tôi mong rằng đây là vụ cuối cùng tại Việt Nam. Nếu còn xảy ra vụ thứ 3, tôi chắc chắn người dân Nhật Bản sẽ lên tiếng yêu cầu chính phủ Nhật Bản chấm dứt ngay việc cung cấp ODA cho Việt Nam. Rút kinh nghiệm từ vụ việc này, tôi cho rằng hai bên cần làm việc một cách nghiêm túc để tránh xảy ra những vụ việc tương tự” [13].

### ***Thứ hai, những cơ hội và thuận lợi để mối quan hệ hợp tác Nhật Bản - Việt Nam tiếp tục phát triển***

*Trước hết*, “Việt Nam có thể trở thành “đầu mối” của các nỗ lực hợp tác và liên kết kinh tế cho khu vực và thế giới với tư cách là “cửa ngõ” ra biển cho vùng Tây Nam của Trung Quốc, Lào, Campuchia và miền Bắc Thái Lan, và “đầu cầu” trên đất liền, trên biển, trên không giữa Đông Bắc Á, ĐNA, giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, giữa Âu - Mỹ và các nước trong khu vực” [10, Tr. 67]. Việt Nam là nước hội tụ đầy đủ các yếu tố mà các nước khác trong khu vực không có được như bên cạnh vị trí địa chiến lược trên, Việt Nam còn có tiềm năng lớn về phát triển kinh tế, con người, tài nguyên, chính trị ổn định, an ninh đảm bảo... Vì vậy, trong chính sách ĐNA của Nhật Bản có một điểm đặc biệt – đó là luôn chú trọng và có phần “ưu ái” đối với Việt Nam và mối quan hệ Nhật - Việt, “việc duy trì, tăng cường quan hệ hợp tác với

Việt Nam trên mọi lĩnh vực luôn là ưu tiên của Nhật Bản” [8, Tr. 72]. Đối với Nhật Bản, tăng cường quan hệ, hợp tác toàn diện với Việt Nam sẽ là nhân tố quan trọng làm gia tăng hơn nữa mối quan hệ giữa Nhật Bản với các nước ĐNA nói riêng và tổ chức ASEAN nói chung cũng như thực hiện thành công mục tiêu chiến lược và chính sách ĐNA của Nhật Bản. Chính vì thế, quan hệ Nhật - Việt từ năm 2002 đến năm 2020 đã đạt được những kết quả hết sức có ý nghĩa, nhất là trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao và quốc phòng, an ninh, được xem là “thời đại mới” trong quan hệ giữa hai quốc gia và là “hình mẫu trong quan hệ quốc tế”. Đây là cơ sở nền tảng vững chắc để hai nước tiếp tục tăng cường và phát triển mối quan hệ này trong thời gian tới.

*Hai là*, từ năm 2002 đến năm 2020, mối quan hệ trên lĩnh vực chính trị và ngoại giao giữa Nhật Bản và Việt Nam không có sự “ngắt quãng” mà liên tục được củng cố và phát triển, đạt được nhiều thành tựu quan trọng và ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất thông qua các cuộc viếng thăm lẫn nhau giữa các nhà lãnh đạo cấp cao hai nước. Song hành với các cuộc viếng thăm đó là các văn kiện, hiệp định hợp tác về nhiều lĩnh vực được ký kết giữa hai bên, đã và đang mang lại hiệu quả, lợi ích tích cực đối với cả Nhật Bản và Việt Nam. Hiện nay là thời điểm thuận lợi để hai nước Nhật Bản và Việt Nam thúc đẩy quan hệ song phương phát triển mạnh mẽ hơn nữa, bởi Nhật Bản đang đẩy mạnh thực hiện chính sách “Hướng về châu Á”, trong đó coi trọng quan hệ với Việt Nam. Việt Nam đang tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, tăng cường quan hệ với các nước lớn, nhất là Nhật Bản. Và thực tế chứng minh, sau khi nhậm chức (10/2006), Thủ tướng Abe Shinzo đã mời Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng với tư cách là thủ tướng nước ngoài đầu tiên là khách mời chính thức của tân Thủ tướng Nhật Bản, ba lần liên tiếp, Thủ tướng Nhật Bản (Abe Shinzo và Suga Yoshihide) đều chọn Việt Nam là điểm công du nước ngoài đầu tiên sau khi đắc cử (1/2013; 11/2017 và 10/2020), lần đầu tiên Nhà vua và Hoàng hậu Nhật Bản thăm Việt Nam (3/2017) và chuyến thăm Nhật Bản của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cũng là chuyến công du nước ngoài đầu tiên trên cương vị Thủ tướng Việt Nam (6/2016) hay trong chuyến thăm của Chủ tịch nước Trần Đại Quang (5/2018), lần đầu tiên Nhà vua và Hoàng hậu Nhật Bản dự Tiệc chiêu đãi... cho thấy vị trí của mỗi nước trong chính sách đối ngoại và tầm quan trọng của mỗi quan hệ Nhật - Việt. Đây được xem là những điểm nhấn, những “lần đầu tiên” vô cùng ý nghĩa, mở ra tương lai tốt đẹp cho mối quan hệ chính trị và ngoại giao cũng như các lĩnh vực khác giữa Nhật Bản và Việt Nam trong tương lai.

*Ba là*, hợp tác trên lĩnh vực an ninh và quốc phòng, Nhật Bản và Việt Nam đều có cùng lợi ích chiến lược là duy trì hòa bình và ổn định ở khu vực CATBD và coi an ninh quốc gia là một bộ phận cấu thành và không thể tách rời khỏi an ninh khu vực và thế giới. Nhật Bản và Việt Nam đều có nhu cầu hợp tác về an ninh và quốc phòng, đều thấy sự cần thiết phải thay đổi tư duy trong quan hệ quốc tế, phải tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt giữa hai nước và cố gắng tìm ra những điểm tương đồng nhằm đáp ứng nhu cầu của mỗi nước. Đặc biệt, trong thời

gian vừa qua, vấn đề an ninh biển, nhất là ở Biển Hoa Đông và Biển Đông đã trở thành chủ đề lớn tại các diễn đàn, hội nghị khu vực và quốc tế lớn. Nhật Bản và Việt Nam là hai quốc gia có liên quan gián tiếp hoặc trực tiếp đến Biển Hoa Đông và Biển Đông cả về kinh tế, chính trị, an ninh và lưu chuyển hàng hóa. Cũng trong thời gian qua, lãnh đạo Việt Nam nhiều lần nhấn mạnh mong muốn tăng cường quan hệ an ninh hàng hải song phương, đề nghị Nhật Bản tiếp tục ủng hộ Việt Nam trong các vấn đề liên quan đến Biển Đông. Và nếu Nhật Bản cần Việt Nam trong việc đảm bảo sự lưu thông trên tuyến hàng hải quan trọng này thì Việt Nam cũng rất cần sự ủng hộ và những việc làm thiết thực của Nhật Bản trong quá trình khẳng định và bảo vệ chủ quyền ở Biển Đông, nhất là việc tăng cường khả năng phòng vệ và nâng cao năng lực hoạt động của lực lượng bảo vệ biển đảo. Như vậy, Nhật Bản và Việt Nam đều có nhu cầu hợp tác về an ninh và đều thấy sự cần thiết phải thắt chặt mối quan hệ này. Và trên thực tế, Nhật Bản chính là đối tác chiến lược đầu tiên của Việt Nam ủng hộ duy trì hòa bình, ổn định và tự do hàng hải ở Biển Đông trên cơ sở tôn trọng UNCLOS và DOC, hướng tới xây dựng COC... Bên cạnh đó, từ Bản Ghi nhớ hợp tác quốc phòng - an ninh Nhật Bản - Việt Nam, hai bên nhất trí tích cực thúc đẩy và trao đổi quốc phòng trên cơ sở phù hợp với luật pháp quốc tế, luật pháp, quy định và chính sách quốc gia của mỗi nước. Hai bên thường xuyên trao đổi đoàn các cấp, tiến hành Đối thoại chính sách quốc phòng định kỳ cấp thứ trưởng, đào tạo nhân lực, trao đổi thông tin, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa, hợp tác tại các diễn đàn quốc phòng quốc tế và khu vực; đồng thời hợp tác chặt chẽ trên các diễn đàn song phương và đa phương, nhằm kết nối một cách hiệu quả khuôn khổ hợp tác khu vực.

*Bốn là*, tại các hội nghị, diễn đàn, tổ chức quốc tế và các cơ chế hợp tác đa phương, hai nước có nhiều điểm tương đồng, luôn song hành và ủng hộ lẫn nhau. Nói về vai trò của Nhật Bản đối với khu vực, trong chuyến thăm Nhật Bản (9/2015), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Với tiềm lực và những đóng góp của mình, Nhật Bản xứng đáng đóng một vai trò lớn hơn ở khu vực CATBD và trên thế giới”. Vì lẽ đó, Việt Nam ủng hộ Nhật Bản ngày càng phát triển và đóng góp ngày càng tích cực cho hòa bình, an ninh và thịnh vượng chung, nhất quán ủng hộ Nhật Bản trở thành Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc khi cơ quan này được mở rộng [18]. Đặc biệt, lần thứ hai Việt Nam đảm nhận vai trò điều phối viên quan hệ ASEAN - Nhật Bản (2018 - 2021), Chủ tịch ASEAN (2020), Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (2020 - 2021)... Đây sẽ là những cơ hội tuyệt vời để hai nước thêm gắn gũi, song hành và hiểu nhau hơn cũng như tăng cường, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ giữa hai nước.

*Năm là*, trong thời gian tới, “hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn” [6, Tr. 70], đóng vai trò chủ đạo và là dòng chảy chính trong đời sống quan hệ quốc tế ở khu vực nên quan hệ Nhật - Việt trên các lĩnh vực này vẫn sẽ tiếp tục phát triển theo phương châm “vừa hợp tác, vừa đấu tranh”, trong đó hợp tác là chủ đạo. Mối quan hệ tốt với

Nhật Bản sẽ giúp Việt Nam khai thác được rất nhiều lợi ích như nâng cao vị thế quốc tế, quan hệ tốt với các đồng minh, bạn bè của Nhật và các tổ chức, diễn đàn quốc tế quan trọng, cân bằng quan hệ với các nước lớn, bảo vệ được chủ quyền và hội nhập quốc tế thành công. Và hai nước còn một nguồn lực rất quan trọng đóng góp vào sự phát triển mối quan hệ Nhật - Việt trong thời gian tới, đó là cộng đồng người Việt tại Nhật Bản và cộng đồng người Nhật tại Việt Nam, một mối quan hệ nhân dân vốn có lịch sử lâu đời và ngày càng phát triển sẽ là “cầu nối” cho sự phát triển mối quan hệ giữa hai quốc gia.

#### 4. Thay lời kết

Trải qua bao thăng trầm, biến cố của lịch sử, vốn có quan hệ từ lâu đời, cả Nhật Bản và Việt Nam đều có nhu cầu tăng cường và phát triển mối quan hệ. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố mà quan hệ giữa hai nước có những thời điểm bị “ngắt quãng”, nhưng với tinh thần “*tin cậy, hiểu biết lẫn nhau, phát huy lợi ích tương đồng, nâng cao hiệu quả hợp tác, nỗ lực hướng tới tương lai*” [4], quan hệ Nhật - Việt đã có sự phát triển vượt bậc như ngày nay. Điểm nhấn trong quan hệ giữa hai nước trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao và an ninh, quốc phòng trong gần 20 năm qua là việc hai nước nâng cấp quan hệ lên thành “*Đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á*”, chuyến thăm chính thức Nhật Bản của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và hai chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Abe Shinzo cùng “*Bản Ghi nhớ hợp tác quốc phòng song phương*”. Đây là những sự kiện đánh dấu bước phát triển vô cùng quan trọng trong lịch sử quan hệ chính trị, ngoại giao và an ninh, quốc phòng giữa hai nước. Bởi vì, không giống như những giai đoạn trước, từ năm 2002 đến năm 2020, quan hệ chính trị và ngoại giao giữa hai nước không có sự “ngắt quãng” mà liên tục phát triển, hợp tác về an ninh và quốc phòng đã đi vào thực chất chứ không còn là những ngôn từ ngoại giao với những hoạt động cụ thể, thiết thực và bước đầu mang lại hiệu quả.

Mặc dù vẫn còn những khó khăn, khác biệt, song xét một cách tổng quát, từ những lợi ích song trùng của hai nước ở khu vực và quốc tế, các thế mạnh vượt trội của Nhật Bản, cũng như vị trí chiến lược và lợi thế của Việt Nam cùng với những thành quả đạt được và những cơ hội, thuận lợi đã và đang mang lại cho thấy, khả năng và tiềm năng giữa hai nước trong quan hệ chính trị, ngoại giao và hợp tác quốc phòng, an ninh là rất lớn. Chúng ta có thể tin tưởng rằng quan hệ Nhật - Việt nói chung, quan hệ chính trị, ngoại giao và hợp tác quốc phòng, an ninh nói riêng trong thời gian tới sẽ tiếp tục được tăng cường, phát triển thực chất, toàn diện cả bề rộng lẫn chiều sâu, xứng tầm với quan hệ “*Đối tác chiến lược sâu rộng Nhật Bản - Việt Nam vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á*” trong thế kỷ XXI.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Quế, Ngô Phương Anh (2010), “Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản thập niên đầu thế kỉ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, (số 7).
2. Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản (2010), “*Tuyên bố chung Việt Nam - Nhật Bản về phát triển toàn diện Quan hệ Đối tác Chiến lược vì Hòa bình và Phồn vinh ở Châu Á*”, tại địa chỉ: <http://www.vnembassy-jp.org/vi/tuy%C3%AAn-b%E1%BB%91-chung-vi%E1%BB%87t-nam-nh%E1%BA%ADt-b%E1%BA%A3n-v%E1%BB%81-ph%C3%A1t-tri%E1%BB%83n-to%C3%A0n-di%E1%BB%87n-quan-h%E1%BB%87-%C4%91%E1%BB%91i-t%C3%A1c-chi%E1%BA%BFn-l%C6%B0%E1%BB%A3c-v%C3%AC-h%C3%B2a-b%C3%ACnh-v%C3%A0>. Ngày truy cập: 30/10/2020.
3. Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản (2014), “*Tuyên bố chung Việt Nam-Nhật Bản về thiết lập quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và thịnh vượng ở châu Á*”, tại địa chỉ: <http://www.vnembassy-jp.org/vi/tuy%C3%AAn-b%E1%BB%91-chung-vi%E1%BB%87t-nam-nh%E1%BA%ADt-b%E1%BA%A3n-v%E1%BB%81-thi%E1%BA%BFt-l%E1%BA%ADp-quan-h%E1%BB%87-%C4%91%E1%BB%91i-t%C3%A1c-chi%E1%BA%BFn-l%C6%B0%E1%BB%A3c-s%C3%A2u-r%E1%BB%99ng-v%C3%AC-h%C3%B2a-b%C3%ACnh-v%C3%A0>. Ngày truy cập: 30/10/2020.
4. Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản (2015), “*Tuyên bố về Tâm nhìn chung quan hệ Việt Nam - Nhật Bản nhằm thúc đẩy toàn diện và làm sâu sắc hơn quan hệ Đối tác chiến lược sâu rộng Việt Nam - Nhật Bản vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á*”, tại địa chỉ: <http://www.vnembassy-jp.org/vi/tuy%C3%AAn-b%E1%BB%91-v%E1%BB%81-t%E1%BA%A7m-nh%E1%BA%A3n-chung-quan-h%E1%BB%87-vi%E1%BB%87t-nam-nh%E1%BA%ADt-b%E1%BA%A3n>. Ngày truy cập: 5/11/2020.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
7. Nguyễn Hoàng Giáp (2013), *Cạnh tranh chiến lược ở khu vực Đông Nam Á giữa một số nước lớn hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Quế - Nguyễn Tất Giáp (2013), *Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản sau Chiến tranh Lạnh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Dương Phú Hiệp (2002), *Điều chỉnh chính sách kinh tế của Nhật Bản*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.



10. Trần Khánh (2006), “Môi trường địa - chính trị Đông - Nam Á với hội nhập Việt Nam - ASEAN”, *Tạp chí Cộng sản*, (số 16).
11. Kumao Kaneko (2014), “Ba vấn đề trong quan hệ đối tác chiến lược Nhật Bản - Việt Nam”, tại địa chỉ: <http://cjs.inas.gov.vn/index.php?newsid=826>. Ngày truy cập: 10/10/2021.
12. Tsuno Motonori (2013), “Việt Nam là đối tác ODA quan trọng nhất của Nhật Bản”, tại địa chỉ: <https://vnexpress.net/kinh-doanh/viet-nam-la-doi-tac-oda-quan-trong-nhat-cua-nhat-2726083.html>. Ngày truy cập: 01/11/2020.
13. PV/VOV.VN, “Thêm một lần tham nhũng ODA, Việt Nam sẽ khó nhận tài trợ từ Nhật?” tại địa chỉ: <https://vov.vn/kinh-te/them-mot-lan-tham-nhung-oda-viet-nam-se-kho-nhan-tai-tro-tu-nhat-392220.vov>. Ngày truy cập: 20/10/2020.
14. Hạnh Quỳnh (2019), “Đưa hợp tác quốc phòng Việt Nam - Nhật Bản đi vào chiều sâu, hiệu quả”, tại địa chỉ: <http://www.dangcongsan.vn/quoc-phong-an-ninh/dua-hop-tac-quoc-phong-viet-nam-nhat-ban-di-vao-chieu-sau-hieu-qua-521049.html>. Ngày truy cập: 7/11/2020.
15. Nguyễn Xuân Thắng (2004), *Sự điều chỉnh chiến lược hợp tác khu vực châu Á-Thái Bình Dương trong bối cảnh quốc tế mới*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
16. Toshiharu Tsuboi (2014), “Khả năng và những vấn đề trong hợp tác phòng vệ Việt Nam – Nhật Bản”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, (số 3).
17. Thông tấn xã Việt Nam (2015), “Quan hệ an ninh hàng hải Nhật – Việt”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 02/11/2015.
18. Xuân Tuyến (2015), “Việt Nam ủng hộ Nhật Bản đóng vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực”, tại địa chỉ: <http://baochinhphu.vn/Tong-Bi-thu-tham-chinh-thuc-Nhat-Ban/Viet-Nam-ung-ho-Nhat-Ban-dong-vai-tro-trung-tam-trong-cau-truc-khu-vuc/236529.vgp>. Ngày truy cập: 22/10/2020.

**POLITICAL, DIPLOMATIC RELATIONS AND DEFENCE,  
SECURITY COOPERATION BETWEEN JAPAN - VIETNAM  
FROM 2002 TO 2020**

**Nguyen Van Tuan\***

University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

**Abstract.** Japan and Vietnam officially establish diplomatic relations on September 21, 1973. However, since 2002, after signing the Joint Declaration based on “long-term stability and mutual trust” cooperation, the Japan – Vietnam relationship has developed strongly, substantially gone in-depth with a new stage, and offered many benefits for people of two countries. This paper focuses on political and diplomatic relations, security and defence cooperation between Japan and Vietnam from 2002 to 2020. Including new factors affecting the relations, gained achievements and difficulties, challenges and opportunities, and advantages that support the development of political and diplomatic relations, security, and defence cooperation between two countries in the coming time.

**Keywords:** Diplomacy, Defence, Politics, Japan - Vietnam relation Security